

**CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP HOA CHANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP HOA CHANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4700271852

**3. Ngày thành lập:** 24/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Nà Kền, Xã Lương Thành, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Điện thoại: 01246161111

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4632        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4620        |
| 3.  | Chăn nuôi trâu, bò<br>Chi tiết: Nuôi trâu, bò thịt, cày kéo, lấy sữa làm giống; sản xuất sữa nguyên chất từ bò và trâu; sản xuất tinh dịch trâu, bò                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0141        |
| 4.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1020        |
| 5.  | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0210        |
| 6.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1040        |
| 7.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1010        |
| 8.  | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0322        |
| 9.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1610        |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669        |
| 11. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4631        |
| 12. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0118        |
| 13. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1079        |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4663        |
| 15. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1062        |
| 16. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0121(Chính) |
| 17. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0146        |
| 18. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4633        |
| 19. | Chăn nuôi lợn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0145        |
| 20. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1101        |
| 21. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4719        |
| 22. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0142        |
| 23. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp<br>Chi tiết: Trồng cây phục vụ trồng trọt bao gồm cắt tỉa, tạo chồi, tạo cây non để nhân giống trực tiếp hoặc toạ từ các gốc ghép cành thành các chồi non đã được lựa chọn; gieo ươm các giống cây hàng năm như cây bắp cải, su hào, súp nơ, cà chua; các cây cảnh lâu năm có sự gieo ươm, cấy ghép, cắt cành và giâm cành; hoạt động của các vườn ươm cây giống nông nghiệp | 0130        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ cung ứng các chế phẩm sinh học trong bảo quản nông sản sau thu hoạch; tổ chức vùng sản xuất rau sạch( chủ yếu dùng các chế phẩm sinh học trong canh tác và bảo vệ thực vật, ứng dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch); xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hoá công ty kinh doanh                                       | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HÀ VĂN BA

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 21/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 095078197

Ngày cấp: 23/07/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Kạn

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bản Giang, Xã Lương Thượng, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bản Giang, Xã Lương Thượng, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HÀ VĂN BA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 095078197

Ngày cấp: 23/07/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Kạn

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bản Giang, Xã Lương Thượng, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bản Giang, Xã Lương Thượng, Huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Kạn